

Bản án số: 183/2017/DS-PT

Ngày: 01- 12-2017

V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố  
văn bản công chứng vô hiệu.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Lộc

Bà Phạm Thị Hồng Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Nguyễn Văn Bé  
Tu– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2016/TLPT – DS ngày 14 tháng 12 năm 2016 về: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và công nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án số 04/2016/DS.ST ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 287/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành L; địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Trương Thị Minh H (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2017); địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Tô Vĩnh H1, luật sư Văn phòng luật sư Thiện Lý thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu P; địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

- Anh Nguyễn Phú K (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017); địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Phú C
2. Anh Nguyễn Thành B
3. Chị Nguyễn Đức V
4. Chị Nguyễn Thị L1

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Đức V, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N:* Anh Nguyễn Phú K (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017); địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

5. Anh Nguyễn Thành L2; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Anh L2 chết ngày 02/10/2016).

*Người người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Thành L2:*

- Anh Nguyễn Hữu P; địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc N
- Anh Nguyễn Hồng P1
- Chị Nguyễn Thị Diễm P2

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Hữu P, anh Hồng P1, chị Diễm P2:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2016).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

6. Ông Lê Văn R (công chứng viên), địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

7. Nguyễn Hải T, sinh năm 1999

*Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Hải T:* Anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thanh N1 (là cha và mẹ của Hải T).

8. Chị Nguyễn Thanh N1
9. Anh Nguyễn Hải Đ

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị N1, anh Đ: Chị Nguyễn Thị Thanh M (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2016); địa chỉ: Đường L, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.*

*- Người kháng cáo:*

1. Anh Nguyễn Hữu P là bị đơn.
2. Anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Ngọc N, chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 (chị Diễm P2, anh Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2015 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày: Cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn H (chết năm 1992) và bà Trần Thị X (chết năm 2015) có 06 người con gồm: Nguyễn Thành L2, Nguyễn Phú C, Nguyễn Thành B, Nguyễn Đức V, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thành L. Ngày 15/9/2012, bà Trần Thị X lập di chúc tại Phòng công chứng B để lại cho Nguyễn Hữu P (con của anh Nguyễn Thành L2) được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup>, thửa 539, tờ bản đồ số 7, diện tích 820m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị X được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/01/2004, đất tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Anh yêu cầu vô hiệu văn bản di chúc do bà X lập vào ngày 15/9/2012, do bà X đã lớn tuổi, lập di chúc trong khi không được minh mẫn, mất mớ, ù tai nhưng không có người làm chứng nên di chúc không hợp pháp. Đồng thời, anh yêu cầu công nhận phần đất thửa 538, 539 nói trên cho anh được quyền sử dụng vì bà X đã cho anh khoảng hơn 20 năm, anh lên liếp lập vườn và xây dựng căn nhà cấp 4.

Tại đơn phản tố ngày 15/12/2015 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày: Khi còn sống bà X đã chia đất cho các con chỉ còn 02 thửa đất 538, 539. Sau khi chồng bà X qua đời, anh L hắt hủi, ngược đãi bà X nên bà cất nhà tạm ở riêng. Căn nhà của bà X ở trước đây thì anh L tiếp tục ở và sửa chữa thành nhà kiên cố. Ngày 15/9/2012 bà X lập di chúc tại phòng công chứng B cho anh phần đất thửa 538, 539. Lúc lập di chúc bà X minh mẫn, có giấy chứng nhận về sức khỏe, mẹ ruột anh tên Nguyễn Thị Ngọc N (vợ của ông Nguyễn Thành L2) có hỏi công chứng viên cần người làm chứng hay không thì công chứng viên trả lời không cần. Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh L và yêu cầu công nhận bản di chúc do bà X lập ngày 15/9/2012 là hợp pháp, công nhận cho anh được quyền sử dụng đất tại các thửa đất 538, 539. Đồng thời, anh yêu cầu anh L giao trả cho anh các thửa đất 538, 539. Anh không đồng ý hoàn trả giá trị căn nhà và các tài sản khác cho anh L.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2015 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành B trình bày: Trước đây mẹ anh đã phân chia đất cho các con, chỉ còn thửa 538, 539 bà chưa phân chia. Do anh L đối xử không tốt với bà X và các anh em, sự việc này đã được chính quyền địa phương lập biên bản giải quyết vào ngày 16/6/2004. Anh L cam kết không đối xử ngược đãi với mẹ và các anh em. Ngày 15/9/2012, bà X đã lập di chúc cho cháu nội là Nguyễn Hữu P được hưởng thừa kế các phần đất trên. Anh thống nhất với nội dung bản di chúc.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2015 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phú C trình bày: Khi các anh em của anh lập gia đình đã được cha mẹ phân chia đất, còn lại thửa 538, 539 lúc mẹ anh còn sống đã cho anh Nguyễn Thành L canh tác sử dụng đến nay. Phần đất này trước đây là đất ruộng, anh L đã cải tạo thành đất vườn. Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh L, đề nghị hủy bản di chúc do bà X lập ngày 15/9/2012 và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2015 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Khi anh L lập gia đình thì ở chung với bà X và chị. Anh L có hành vi ngược đãi, không chăm sóc bà X, hiện nay cũng không thờ cúng cha mẹ. Bà X đã chia đất cho các con, anh L được chia một phần đất hơn 06 công, thửa đất 538 và thửa đất 539 bà X để làm đất hương hỏa. Ngày 15/9/2012, chị chở bà X đi làm di chúc cho Nguyễn Hữu P hưởng thừa kế phần đất thửa 538 và 539, lúc lập di chúc bà X hoàn toàn minh mẫn. Chị thống nhất với bản di chúc do bà X lập.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2015 và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc N là đại diện của người người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Thành L2 trình bày: Anh L2 là con của bà X, anh L2 chết ngày 02/10/2016. Chị và anh L2 có 03 người con gồm Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hồng P1, Nguyễn Diễm P2. Khi bà X còn sống, anh L có hành vi ngược đãi không cho bà X ở chung. Bà X có làm đơn thưa, chính quyền địa phương lập biên bản về hành vi của anh L. Chị đồng ý với bản di chúc của bà X lập ngày 15/9/2012, thống nhất theo yêu cầu phản tố của anh P.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2016 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh N1 trình bày: Phần đất thửa 538, 539 vợ chồng chị đã canh tác, sử dụng hơn 20 năm, cải tạo từ đất ruộng thành đất vườn để trồng cây ăn trái, trên đất có căn nhà cấp 4 vợ chồng chị xây dựng vào năm 2010. Bà X cho đất có xác nhận của chính quyền địa phương. Chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh L, không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hữu P.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2016, anh Nguyễn Hải Đ trình bày: Anh là con của anh Nguyễn Thành L. Anh thống nhất ý kiến trình bày của mẹ anh là Nguyễn

Thanh N1. Do bận đi học nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn yêu cầu về việc xin vắng mặt ngày 23/8/2016, anh Nguyễn Hải T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của cha anh là Nguyễn Thành L. Anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản khai ý kiến ngày 21/12/2015, anh Lê Văn R trình bày: Anh nguyên là công chứng viên Văn phòng Công chứng B (hiện đã chấm dứt hoạt động). Việc anh Nguyễn Thành L yêu cầu tuyên bố vô hiệu di chúc của bà Trần Thị X lập ngày 15/9/2012 tại Văn phòng Công chứng B thì anh không đồng ý. Bởi vì, bà Trần Thị X được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 538, 539. Căn cứ khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003 thì bà X có quyền để thừa kế. Trước khi lập di chúc, bà X đã có giấy y chứng của Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang ngày 21/8/2012, xác định bà: “Tinh thần bình thường, đủ năng lực trách nhiệm hành vi”. Khi lập di chúc xong, anh cũng đọc nội dung tờ di chúc cho bà X nghe. Bà X không biết chữ nhưng ký tên được và điểm chỉ vào tờ di chúc trước mặt công chứng viên, còn viết họ tên của bà X là do thư ký Văn phòng công chứng viết. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 48, khoản 2 Điều 6 của Luật công chứng năm 2006 về công chứng di chúc và khoản 3 Điều 650, khoản 1 Điều 653 của Bộ luật Dân sự thì bản di chúc của bà X được lập là hợp pháp và văn bản công chứng có giá trị chứng cứ, những tình tiết sự kiện trong văn bản công chứng không phải chứng minh. Do đó, anh đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của anh L và xin vắng mặt khi Tòa giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 04/2016/DS.ST ngày 26/10/2016 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 11 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các Điều 652, Điều 654, Điều 658 và khoản 3 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 1, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2014. Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L do anh Đặng Minh T1 đại diện.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hữu P do anh Nguyễn Minh T2 đại diện.

- Tuyên bố văn bản công chứng Di chúc do bà Trần Thị X lập ngày 15/9/2012 tại Văn phòng công chứng B (Số công chứng 01/quyển số 01/TP/CC-SCC/DC) bị vô hiệu và di chúc này không có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận anh Nguyễn Thành L được quyền sử dụng phần đất tại thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế thuộc chiết 538-1 + 538-2 bằng 2.267,4m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm; thửa 539 tờ bản đồ số 7, diện tích

820m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 807m<sup>2</sup>) loại đất trồng cây lâu năm, do bà Trần Thị X được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp quyền sử dụng ngày 06/01/2004, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và các tài sản khác gắn liền trên đất (Kèm trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/7/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B).

Anh Nguyễn Thành Lam có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định chi phí khảo sát định giá, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2016, bị đơn anh Nguyễn Hữu P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của anh: Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L; công nhận bản di chúc ngày 15/9/2012 của bà X là hợp pháp, công nhận cho anh được quyền sử dụng phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup>, thửa 539, tờ bản đồ số 7 diện tích 820m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, buộc anh L và các thành viên gia đình anh L giao trả cho anh thửa đất 538, 539; anh đồng ý bồi thường cho anh L giá trị nhà và cây trồng trên đất. Anh yêu cầu được miễn giảm án phí vì hoàn cảnh anh gặp khó khăn, anh là sinh viên mới tốt nghiệp đang xin việc làm. Ngày 04/5/2017 anh P kháng cáo bổ sung về việc cấp sơ thẩm công nhận cho anh L được quyền sử dụng các phần đất thửa 538 và thửa 539 là không đúng quy định của pháp luật. Anh yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Ngày 09/11/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Ngọc N, chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 (chị Diễm P2 và anh Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh B, chị L1, chị N, chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L, công nhận di chúc ngày 15/9/2012 của bà X là hợp pháp, công nhận cho Nguyễn Hữu P được quyền sử dụng phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup>, thửa 539, tờ bản đồ số 7 diện tích 820m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh P rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc anh L và các thành viên gia đình anh L giao trả cho anh thửa đất 538, 539 và rút yêu cầu kháng cáo về việc đồng ý bồi thường cho anh L giá trị nhà và cây trồng trên đất. Người đại diện hợp pháp của anh P đề nghị hủy bản án sơ thẩm do không đưa Bệnh viện Tâm thần tỉnh Tiền Giang vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vị kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần kháng

cáo của anh P, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh P do anh P rút yêu cầu buộc anh L và các thành viên gia đình anh L giao trả cho anh thửa đất 538, 539; và rút yêu cầu bồi thường cho anh L giá trị nhà và cây trồng trên đất. Các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N (Nguyễn Diễm P2, Nguyễn Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm công nhận bản di chúc lập ngày 15/9/2012 của bà X là hợp pháp, công nhận cho anh P được quyền sử dụng phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup>, thửa 539, tờ bản đồ số 7 diện tích 820m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Nhận thấy bản Di chúc do bà Trần Thị X lập vào ngày 15/9/2012, tại Văn phòng công chứng B, được công chứng viên chứng nhận có nội dung để cho anh Nguyễn Hữu P được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 538, 539 sau khi cụ X chết. Theo anh Lê Văn R là Công chứng viên của Văn phòng công chứng B xác định (bút lục 229) tại thời điểm công chứng di chúc vào ngày 15/9/2016 bà X nói bà không biết chữ, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của ông Trần Quốc T3, ông Nguyễn Hoàng N2 và anh Nguyễn Tấn P3 xác định bà X đã 91 tuổi, tại thời điểm năm 2011 bà X bị lãng tai, mắt đã mờ, tay run không thể ký tên. Do cụ X không đọc được nhưng khi công chứng viên chứng nhận bản di chúc nói trên không yêu cầu người làm chứng chứng kiến là không tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Công chứng năm 2006 và khoản 3 Điều 652, Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L và tuyên bố bản Di chúc do bà Trần Thị X lập ngày 15/9/2012 tại Văn phòng công chứng B (Số công chứng 01/quyển số 01/TP/CC-SCC/DC) bị vô hiệu (bản di chúc không hợp pháp) là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Ngọc N (chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) công nhận bản di chúc lập vào ngày 15/9/2012 của bà X là hợp pháp và công nhận cho anh P được quyền sử dụng phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.940m<sup>2</sup> (diện tích thực đo 2.267,4m<sup>2</sup>), thửa 539, tờ bản đồ số 7 diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 820m<sup>2</sup> (diện tích thực đo 807m<sup>2</sup>), tọa lạc ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là không có cơ sở chấp nhận. Do yêu cầu phản tố của anh P không được chấp nhận nên anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được tính như sau:

$2.267,4 \text{ m}^2 \text{ đất} + 807 \text{ m}^2 \text{ đất} \times 100.000 \text{ đồng/m}^2 \text{ (theo định giá)} \times 5\% = 15.372.000 \text{ đồng.}$

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N (chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) về việc bản án sơ thẩm công nhận

quyền sử dụng đất cho anh L đối với thửa đất 538 và thửa 539. Nhận thấy phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của các đương sự và kết quả đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B thì thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.940m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế thuộc chiết 538-1 + 538-2 diện tích 2.267,4m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm; thửa 539 tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 820m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 807 m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm do cụ Trần Thị X được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là Ủy ban nhân dân thị xã B) cấp quyền sử dụng đất vào ngày 06/01/2004. Các thửa đất này hiện nay vẫn do bà X đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc các thửa đất do vợ chồng ông H và bà X tạo lập. Ông H và bà X có 06 người con gồm: Nguyễn Thành L2, Nguyễn Phú C, Nguyễn Thành B, Nguyễn Đức V, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thành L. Ông H chết vào năm 1994 không để lại di chúc, bà X chết vào năm 2015, anh L2 chết vào năm 2016. Trước đây bà X đã tương phần phần đất cho các con như sau: Anh L2 khoảng 5 công đất, anh C khoảng 7.500m<sup>2</sup> đất, chị L1 khoảng 2.500 m<sup>2</sup> đất, chị V khoảng 3000 m<sup>2</sup> đất, anh B khoảng 7.100m<sup>2</sup> đất, anh L khoảng 6.200m<sup>2</sup> đất, các phần đất được tương phân các con của ông H và bà X đã kê khai đăng ký, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Xét gia đình anh L có công sức nhiều trong việc quản lý, canh tác, cải tạo, lên liếp, trồng các cây lâu năm trên phần đất tranh chấp, theo biên bản định giá thì các cây lâu năm này trị giá rất lớn, căn nhà được xây dựng trị giá 192.024.144 đồng (chưa kể công trình phụ). Tuy vậy việc anh L yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 538 và thửa đất 539 từ việc bà X tặng cho anh theo tờ xác nhận chia đất cho các con được lập vào ngày 18/01/2011, có lãn tay của bà X, có xác nhận của trưởng ấp và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận chữ ký của trưởng ấp. Tại phần 6 của tờ tặng cho này có ghi còn lại phần đất hương hỏa diện tích 1.700m<sup>2</sup>, số thửa 172 kể từ ngày 18/01/2011 bà X giao lại cho con Nguyễn Thành L hiện đang ở nhà thờ thừa hưởng và thờ cúng khi lúc tuổi già. Nhận thấy tờ xác nhận chia đất cho các con nói trên phần 6 ghi cho anh L thửa đất 172, diện tích 1700m<sup>2</sup>, trên thực tế bà X không có thửa đất này, thửa 538 và thửa 539 do bà X đứng tên hiện nay theo Vlap là thửa 186 và thửa 203, anh L cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh thửa đất 172 hiện nay là các thửa đất tranh chấp. Mặt khác tờ xác nhận chia đất cho các con được lập vào ngày 18/01/2011, từ đó đến nay anh L không tiến hành làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 127 của Luật đất đai năm 2003 và quy định tại Điều 689 và Điều 692 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo Điều 692 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối chiếu với quy định trên thì tờ xác nhận chia đất cho các con được lập vào ngày 18/01/2011 về nội dung chưa xác định được bà X tặng cho anh L thửa đất 538 và thửa 539, về hình thức chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên chưa có hiệu lực. Vì vậy anh L yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 538 và thửa 539 nói trên từ việc bà X tặng cho theo tờ xác nhận chia đất cho các con được lập vào ngày 18/01/2011 là không có căn cứ chấp nhận. Do yêu cầu khởi



kiện của anh L không được chấp nhận nên anh phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N (chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) về việc không công nhận cho anh L được quyền sử dụng phần đất thửa 538 và thửa 539 từ việc bà X tặng cho là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của anh P đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không đưa Bệnh viện Tâm thần tỉnh Tiền Giang vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận vì các đương sự tranh chấp về bản di chúc và thủ tục lập di chúc chứ không tranh chấp về việc xác định trạng thái tinh thần và năng lực hành vi của bà X theo xác định của Bệnh viện Tâm thần.

[4] Về chi phí khảo sát, định giá: 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Hữu P phải chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 652, 656, 689, 692 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 Luật Công chứng, Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 27, 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N (chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) về việc công nhận bản di chúc lập ngày 15/9/2012 của bà X là hợp pháp, công nhận cho anh P được quyền sử dụng phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup>, thửa 539, tờ bản đồ số 7 diện tích 820m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N (chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 do chị N đại diện theo ủy quyền) về việc không công nhận cho anh L được quyền sử dụng phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup>, thửa 539, tờ bản đồ số 7 diện tích 820m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long từ việc bà X tặng cho quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần anh Nguyễn Hữu P rút yêu cầu kháng cáo: Về việc buộc anh Nguyễn Thành L và các thành viên gia đình anh L giao trả cho anh thửa đất 538, 539 và về việc đồng ý bồi thường cho anh L giá trị nhà, cây trồng trên đất.

Sửa một phần Bản án số 04/2016/DS.ST ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L: Tuyên bố bản di chúc do bà Trần Thị X lập ngày 15/9/2012 tại Văn phòng công chứng B (Số công chứng 01/quyển số 01/TP/CC-SCC/DC) bị vô hiệu (di chúc không hợp pháp).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hữu P về việc được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc do bà Trần Thị X lập ngày 15/9/2012 tại Văn phòng công chứng B đối với phần đất thửa 538, tờ bản đồ số 7 diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.940m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế thuộc chiết 538-1 + 538-2 diện tích 2.267,4m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm; thửa 539 tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 820m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 807 m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành L về việc công nhận cho anh được quyền sử dụng phần đất tại thửa 538, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.940m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế thuộc chiết 538-1 + 538-2 bằng 2.267,4m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm; thửa 539 tờ bản đồ số 7, diện tích 820m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 807m<sup>2</sup>) loại đất trồng cây lâu năm, từ việc bà Trần Thị X tặng cho quyền sử dụng đất theo khác tờ xác nhận chia đất cho các con được lập vào ngày 18/01/2011 (Đính kèm trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/7/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B).

4. Chi phí khảo sát, định giá: 5.000.000 đồng, buộc anh Nguyễn Hữu P phải nộp.

5. Án phí:

- Anh Nguyễn Thành L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh L đã 13.215.800 đồng theo biên lai thu số 27533 ngày 09/10/2015 và số 8353 ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ, hoàn trả cho anh L số tiền 13.015.800 đồng.

- Anh Nguyễn Hữu P phải chịu 15.372.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 6.780.000 đồng theo biên lai thu số 27622 ngày 29/12/2015 và số 8397 ngày 09/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ, anh P còn phải nộp 8.592.000 đồng.

- Anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị L1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N, chị Nguyễn Diễm P2, anh Nguyễn Hồng P1 (do chị N đại diện theo ủy quyền) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh B, chị L1, chị N đã nộp mỗi người 200.000 đồng theo biên lai thu số 8401, số 8402, số 8403 ngày 11/11/2016 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được hoàn trả cho anh B, chị L1 và chị N.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC;
- VKSNDTVL;
- CATANDTVL;
- TANDTXB;
- THADSTXB;
- Đ/sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hữu Tuấn**